CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2023/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2023*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

"2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp là doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp để tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo quy định của Nghị định này."

2. Bổ sung khoản 8 Điều 3 như sau:

"8. Hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp là hoạt động có nội dung giới thiệu, vinh danh, thông tin, hướng dẫn, đào tạo, chia sẻ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp."

3. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 7 như sau:

"c) Thành viên đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông đối với công

ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bao gồm tổ chức hoặc cá nhân từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và Nghị định này trong thời gian doanh nghiệp đó đang hoạt động bán hàng đa cấp;"

4. Bổ sung điểm h khoản 1 Điều 7 như sau:

"h) Trong trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp là doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông, tất cả các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đó phải có thời gian hoạt động bán hàng đa cấp trong thực tế tối thiểu là 03 năm liên tục ở một nước, vùng lãnh thổ trên thế giới."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

"3. 01 bản danh sách kèm theo bản sao giấy tờ chứng thực cá nhân hợp lệ (chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân có quốc tịch Việt Nam; hộ chiếu và giấy tờ cư trú hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với người nước ngoài thường trú tại Việt Nam; hộ chiếu đối với người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam) của những người nêu tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

01 bản sao giấy tờ pháp lý về việc thành lập tổ chức trong trường hợp là tổ chức."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 9 như sau:

"7. Tài liệu giải trình kỹ thuật về hệ thống công nghệ thông tin quản lý mạng lưới người tham gia bán hàng đa cấp đáp ứng quy định tại Điều 44 Nghị định này, trong đó phải bao gồm các thông tin cơ bản sau:

a) Địa chỉ IP máy chủ và địa điểm đặt máy chủ vật lý;

b) Cơ chế vận hành của hệ thống, bao gồm thông tin mô tả hệ thống, cách thức nhập và lưu trữ dữ liệu, cách thức quản trị dữ liệu;

c) Các thông tin tại Điều 44 Nghị định này."

7. Bổ sung khoản 10 Điều 9 như sau:

"10. Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong ba năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận, chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm h khoản 1

Điều 7 Nghị định này, trong trường hợp doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông."

8. Bổ sung khoản 11 Điều 9 như sau:

"11. Giấy phép kinh doanh có nội dung cấp phép thực hiện quyền phân phối bán lẻ, bao gồm hoạt động bán lẻ theo phương thức đa cấp, trong trường hợp doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông."

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 10 như sau:

"a) Doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 9 Nghị định này (kèm theo bản điện tử định dạng ".doc" hoặc ".docx" đối với giấy tờ quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định này và định dạng ".xls" hoặc ".xlsx" đối với tài liệu quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định này) tới Bộ Công Thương (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính);"

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 12 như sau:

"b) Trường hợp cần cung cấp thông tin hoặc sửa đổi, bổ sung đối với văn bản thông báo của doanh nghiệp nêu tại điểm a khoản này, Bộ Công Thương thông báo cho doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 10 ngày làm việc. Trường hợp doanh nghiệp không cung cấp thông tin, sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo đúng thời hạn hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng quy định, Bộ Công Thương thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại.

Doanh nghiệp được phép áp dụng danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp nếu Bộ Công Thương không có yêu cầu nào đối với văn bản thông báo nêu tại điểm a khoản này trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;"

11. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 14 như sau:

"c) Các tài liệu quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10 và khoản 11 Điều 9 Nghị định này trong trường hợp có thay đổi so với lần sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp gần nhất."

12. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 16 như sau:

"c) Doanh nghiệp bị xử phạt về một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 5, khoản 14 Điều 40 hoặc khoản 3 Điều 47 Nghị định này trong quá trình tổ chức hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật;"

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

"Điều 18. Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp

1. Trường hợp doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

a) Hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo theo Mẫu số 06a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

01 bản sao quyết định về việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; quyết định và biên bản họp về việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp của hội đồng thành viên nếu là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của đại hội đồng cổ đông nếu là công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh nếu là công ty hợp danh.

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tới Bộ Công Thương (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính);

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định tại điểm a khoản này, Bộ Công Thương ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đúng thời hạn hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng quy định, Bộ Công Thương thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, thông báo cho các Sở Công Thương trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

2. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp do giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực hoặc bị thu hồi:

a) Hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp bao gồm:

Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo theo Mẫu số 06a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hết hiệu lực hoặc bị thu hồi, doanh nghiệp có trách nhiệm nộp hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tới Bộ Công Thương (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính);

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng quy định tại điểm a khoản này, Bộ Công Thương ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ đúng thời hạn hoặc hồ sơ của doanh nghiệp không đáp ứng quy định, Bộ Công Thương thông báo trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do trả lại hồ sơ.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản xác nhận tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp, thông báo cho các Sở Công Thương trên toàn quốc theo một trong các phương thức quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định này và công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương."

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau:

"2. Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm chỉ định một cá nhân cư trú tại địa phương làm đầu mối làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó. Đầu mối làm việc của doanh nghiệp bán hàng đa cấp tại địa phương phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định này;

b) Đã được cấp xác nhận kiến thức theo quy định tại Điều 38 Nghị định này;

c) Được doanh nghiệp giao quyền để làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh theo phương thức đa cấp."

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 như sau:

"1. Hồ sơ đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bao gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

c) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp;

d) 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (nếu có).

Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp cung cấp các giấy tờ liên quan đến đầu mối tại địa phương, bao gồm: 01 bản sao được chứng thực chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu; 01 bản chính hoặc bản sao có chứng thực Phiếu lý lịch tư pháp; 01 bản sao chứng thực xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương; 01 văn bản chỉ định quy định rõ phạm vi công việc, quyền và nghĩa vụ của các bên."

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 21 như sau:

"3. Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Công Thương thông báo cho doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Thời hạn sửa đổi, bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo. Sở Công Thương trả lại hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp không sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong thời hạn nêu trên.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Công Thương gửi cho doanh nghiệp văn bản xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối xác nhận, Sở Công Thương có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối."

17. Bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 23 như sau:

"đ) Doanh nghiệp không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này."

18. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 24 như sau:

"a) Niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp tại địa phương (nếu có) và công bố trên trang chủ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương; thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương;"

19. Bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

"3. Doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trên phạm vi toàn quốc."

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

"2. Trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp có sự tham dự của từ 30 người trở lên hoặc có sự tham dự của từ 10 người tham gia bán hàng đa cấp trở lên mà không phải là cuộc họp hoặc sự kiện nội bộ, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thông báo tới Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi thực hiện.

Trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tổ chức theo hình thức trực tuyến có sự tham gia của người tham gia bán hàng đa cấp tại một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp thông báo đến Sở Công Thương của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó.

Trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tổ chức theo hình thức trực tuyến có sự tham gia của người tham gia bán hàng đa cấp tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, doanh nghiệp thông báo đến Sở Công Thương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính."

21. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

"**Điều 27. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp**

1. Hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp bao gồm:

a) Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các nội dung chi tiết, tài liệu trình bày tại hội thảo, số lượng người tham gia dự kiến;

c) Danh sách báo cáo viên tại hội nghị, hội thảo, đào tạo kèm theo hợp đồng thuê khoán của doanh nghiệp, trong đó quy định rõ quyền hạn, trách nhiệm, nội dung báo cáo của báo cáo viên;

d) 01 bản chính văn bản ủy quyền trong trường hợp doanh nghiệp ủy quyền cho cá nhân thực hiện đào tạo hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo;

đ) Thông tin tài khoản hoặc đường dẫn truy cập vào hội nghị, hội thảo, đào tạo trong trường hợp tổ chức theo hình thức trực tuyến.

2. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có thể thông báo về việc tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp trong cùng một văn bản thông báo nhưng không quá 03 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ thông báo.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp nộp hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tới Sở Công Thương (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính) ít nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.

4. Trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương thông báo bằng văn bản để doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung là 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương ban hành thông báo.

5. Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

6. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 5 Điều này, khi muốn thay đổi thông tin trong hồ sơ thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Sở Công Thương ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện.

Doanh nghiệp được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo nếu trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

7. Trường hợp đã thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo với Sở Công Thương nhưng không thực hiện, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử tới Sở Công Thương trước ngày dự kiến tổ chức trong hồ sơ thông báo."

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 như sau:

"1. Người tham gia bán hàng đa cấp là cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật và cư trú tại Việt Nam."

23. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 28 như sau:

"b) Người nước ngoài không có giấy phép lao động tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp gắn với doanh nghiệp mà người đó tham gia bán hàng đa cấp, trừ trường hợp được miễn theo quy định của pháp luật."

24. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 36 như sau:

"a) Đơn đề nghị công nhận theo Mẫu số 13a ban hành kèm theo Nghị định này;"

25. Bổ sung khoản 3a Điều 36 như sau:

"3a. Trường hợp có thay đổi thông tin trong hồ sơ đề nghị công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp đã được công nhận, cơ sở đào tạo phải thông báo cho Bộ Công Thương bằng văn bản.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận, Bộ Công Thương tổ chức thẩm định hồ sơ và ban hành thông báo công nhận nội dung thông tin thay đổi. Trường hợp thông tin thay đổi có nội dung trái pháp luật hoặc không phù hợp với quy định của Nghị định này, Bộ Công Thương thông báo không công nhận nội dung thay đổi."

26. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 37 như sau:

"a) Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm, cơ sở đào tạo có trách nhiệm gửi báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp của năm trước đó theo Mẫu số 14a ban hành kèm theo Nghị định này tới Bộ Công Thương;"

27. Sửa đổi, bổ sung Điều 38 như sau:

"Điều 38. Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương

1. Người đã hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp được doanh nghiệp bán hàng đa cấp đăng ký tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương do Bộ Công Thương tổ chức.

2. Bộ Công Thương cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương cho những người đạt kết quả trong kỳ kiểm tra.

3. Bộ Công Thương quy định cụ thể việc kiểm tra, cấp, thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương."

28. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

"Điều 39. Trình tự, thủ tục cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương

1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra, xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương tới Bộ Công Thương (gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính). Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp theo Mẫu số 20a ban hành kèm theo Nghị định này, hoặc Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương theo Mẫu số 20b ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách những người được đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương, bao gồm các thông tin: Họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân;

c) 02 ảnh kích thước 3 x 4 cm của những người trong danh sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

d) 01 Bản sao chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương, Bộ Công Thương cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp theo Mẫu số 21a ban hành kèm theo Nghị định này, xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương theo Mẫu số 21b ban hành kèm theo Nghị định này cho những người đạt kết quả.

3. Trường hợp giấy xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, cơ quan đã tổ chức kỳ kiểm tra cấp lại xác nhận đã được cấp và người đề nghị cấp lại không phải hoàn thành lại khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp."

29. Bổ sung khoản 13 Điều 40 như sau:

"13. Đảm bảo tối thiểu 20% doanh thu bán hàng đa cấp trong một năm tài chính là doanh thu từ khách hàng không phải là người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp đó."

30. Bổ sung khoản 14 Điều 40 như sau:

"14. Không cung cấp thông tin về thực phẩm bằng hình thức sử dụng hình ảnh, thiết bị, trang phục, tên, thư tín của các đơn vị, cơ sở y tế, bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế, thư cảm ơn, lời cảm ơn của người bệnh, bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế; không cung cấp thông tin về thực phẩm có nội dung đăng tải, dẫn, trích dẫn hoặc nêu ý kiến người bệnh mô tả thực phẩm có tác dụng điều trị bệnh."

31. Bổ sung khoản 5 Điều 41 như sau:

"5. Không cung cấp thông tin về thực phẩm bằng hình thức sử dụng hình ảnh, thiết bị, trang phục, tên, thư tín của các đơn vị, cơ sở y tế, bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế, thư cảm ơn, lời cảm ơn của người bệnh, bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế; không cung cấp thông tin về thực phẩm có nội dung đăng tải, dẫn, trích dẫn hoặc nêu ý kiến người bệnh mô tả thực phẩm có tác dụng điều trị bệnh."

32. Sửa đổi, bổ sung Điều 43 như sau:

"Điều 43. Kế hoạch trả thưởng

1. Kế hoạch trả thưởng phải quy định rõ các cấp bậc, danh hiệu người tham gia bán hàng đa cấp, điều kiện đạt được, hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác chi trả cho từng cấp bậc, danh hiệu người tham gia bán hàng đa cấp.

2. Kế hoạch trả thưởng chỉ áp dụng đối với người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại Việt Nam."

33. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 44 như sau:

"d) Thống kê hoa hồng, tiền thưởng và lợi ích kinh tế khác của người tham gia bán hàng đa cấp."

34. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 49 như sau:

"4. Trước ngày 10 hàng tháng (trừ tháng 01 và tháng 7), doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm gửi tới Sở Công Thương nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua thư điện tử) danh sách người tham gia bán hàng đa cấp cư trú tại địa phương của tháng trước đó (ghi rõ: Họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú trong trường hợp không cư trú tại nơi thường trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, ngày ký hợp đồng, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp)."

35. Bổ sung Điều 49a như sau:

"Điều 49a. Phương thức thực hiện thủ tục hành chính

1. Đối với các tài liệu trong các thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này có quy định hình thức là bản sao được chứng thực, doanh nghiệp có thể nộp bản sao và xuất trình bản gốc để đối chiếu tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

2. Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến, doanh nghiệp bán hàng đa cấp đăng ký tài khoản trên Dịch vụ công trực tuyến theo địa chỉ: http://dichvucong.moit.gov.vn; sử dụng tài khoản đã đăng ký để khai báo và gửi hồ sơ trực tuyến.

Sau khi nhận được thông báo xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, doanh nghiệp gửi về Bộ Công Thương bộ hồ sơ đăng ký hoàn chỉnh (bản giấy).

Trường hợp hồ sơ bản giấy gửi về không khớp với những tài liệu, thông tin mà doanh nghiệp đã khai báo trực tuyến, Bộ Công Thương thông báo trả hồ sơ."

36. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 50 như sau:

"1. Tiền ký quỹ là khoản tiền đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp và Nhà nước trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định này.

Nghĩa vụ của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp là các nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động bán hàng đa cấp hợp pháp, bao gồm nghĩa vụ trả thưởng theo kế hoạch trả thưởng, nghĩa vụ mua lại hàng hóa nếu người tham gia trả lại hàng theo đúng quy định tại Điều 47 Nghị định này, nghĩa vụ trả lại tiền trong trường hợp quy định tại Điều 46 Nghị định này."

37. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 như sau:

"Điều 53. Xử lý khoản tiền đã ký quỹ

1. Tiền ký quỹ được sử dụng trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp nhưng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền;

b) Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định này nhưng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp và có bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án về việc giải quyết các tranh chấp giữa doanh nghiệp bán hàng đa cấp với người tham gia bán hàng đa cấp liên quan đến các nghĩa vụ đó.

2. Trình tự, thủ tục sử dụng tiền ký quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp nhưng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ban hành quyết định xử phạt đó gửi văn bản đề nghị Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ trích khoản tiền ký quỹ để thực hiện quyết định xử phạt;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ trích khoản tiền ký quỹ để thực hiện quyết định xử phạt.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tiền ký quỹ đối với trường hợp quy định điểm b khoản 1 Điều này:

a) Căn cứ Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người tha gia bán hàng đa cấp thực hiện việc yêu cầu thi hành án theo quy định pháp lu thi hành án dân sự;

b) Trường hợp được sử dụng tiền ký quỹ theo quy định tại khoản 1 Đi 50 Nghị định này, cơ quan thi hành án gửi văn bản đề nghị đến Bộ Cô Thương kèm bản sao bản án có hiệu lực pháp luật, bản sao quyết định thi hà án và quyết định khấu trừ tiền trong tài khoản ký quỹ của doanh nghiệp để th hiện thi hành án;

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan thi hành án, Bộ Công Thương thông báo cho cơ quan thi hành án và ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ để thực hiện việc trích tiền ký quỹ để thi hành án.

Trường hợp xác định tranh chấp theo bản án không thuộc trường hợp được sử dụng tiền ký quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định này, Bộ Công Thương thông báo cho cơ quan thi hành án để thực hiện các biện pháp thi hành án khác theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Công Thương giải quyết việc sử dụng khoản tiền ký quỹ theo trình tự thời gian tiếp nhận yêu cầu sử dụng khoản tiền ký quỹ hợp lệ.

5. Sau khi sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, trường hợp khoản tiền ký quỹ chưa được sử dụng hết và doanh nghiệp vẫn còn các nghĩa vụ khác theo bản án có hiệu lực của tòa án chưa được thi hành, khoản tiền ký quỹ còn lại được chuyển cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành án theo quy định của pháp luật."

38. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 55 như sau:

"4. Bộ Tài chính:

a) Quản lý thuế hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo quy định của pháp luật về thuế;

b) Công khai thông tin kịp thời, chính xác, khách quan đối với hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế."

39. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 56 như sau:

"g) Báo cáo theo định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 02 của năm tiếp theo theo Mẫu số 19 ban hành kèm theo Nghị định này hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Công Thương về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn;"

40. Sửa đổi cụm từ "gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện" tại điểm a khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 22, khoản 1 và khoản 2 Điều 25, khoản 1 Điều 52 và điểm a khoản 4 Điều 52 thành "nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính"; sửa đổi cụm từ "bưu điện" tại điểm a khoản 5 Điều 10 thành cụm từ "dịch vụ bưu chính".

41. Sửa đổi cụm từ "Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp" tại điểm b khoản 1 Điều 22 thành cụm từ "đầu mối của doanh nghiệp"; sửa đổi cụm từ "người đại diện tại địa phương" tại Mẫu số 7, Mẫu số 8, Mẫu số 11, Mẫu số 15 và Mẫu số 16 thành cụm từ "đầu mối tại địa phương".

42. Bổ sung Mẫu số 06a, Mẫu số 13a, Mẫu số 14a, Mẫu số 19, Mẫu số 20a, Mẫu số 20b, Mẫu số 21a và Mẫu số 21b kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công Thương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 6 năm 2023.

2. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, các doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã được cấp xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương có trách nhiệm đáp ứng điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định của Nghị định này.

3. Doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật được tiếp tục hoạt động cho đến hết thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận. Tại thời điểm thực hiện việc gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm đáp ứng các điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp quy định tại Điều 7 Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số 06a	Báo cáo tình hình hoạt động trước khi chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp
Mẫu số 13a	Đơn đề nghị công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp
Mẫu số 14a	Báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp
Mẫu số 19	Báo cáo công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp
Mẫu số 20a	Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp
Mẫu số 20b	Đơn đề nghị kiểm tra, xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương
Mẫu số 21a	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp
Mẫu số 21b	Xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương

Mẫu số 06a

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm.....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRƯỚC KHI CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP

Kính gửi: .....

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Người liên hệ:..... Điện thoại: ..... Email:.....

1. Phạm vi hoạt động bán hàng đa cấp tính đến thời điểm chấm dứt hoạt động

a) Các địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

STT	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Trụ sở chính/ Chi nhánh/ Văn phòng đại diện/ Địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Người đứng đầu	Điện thoại liên hệ	Số lượng người tham gia BHĐC
1						
2						
3						

b) Các địa phương nơi doanh nghiệp có người đại diện/đầu mối tại địa phương

STT	Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương	Tên người đại diện/ đầu mối tại địa phương	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Số lượng người tham gia BHĐC
1					
2					
3					

2. Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp tính đến thời điểm chấm dứt hoạt động:

(Doanh nghiệp cung cấp kèm theo bản điện tử danh sách người tham gia bán hàng đa cấp bao gồm các chỉ tiêu: họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ nơi cư trú (thường trú hoặc tạm trú), số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số người tham gia, điện thoại liên hệ của người tham gia bán hàng đa cấp)

3. Doanh thu bán hàng đa cấp từ ngày đầu năm đến ngày chấm dứt hoạt động

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Doanh thu chưa gồm VAT (triệu đồng)	Doanh thu bao gồm VAT (triệu đồng)
1	Thực phẩm chức năng/ Thực phẩm bổ sung sức khỏe		
2	Mỹ phẩm		
3	Quần áo/Thời trang		
4	Thiết bị		
5	Đồ gia dụng		
6	Khác		
7	Tổng cộng		

4. Hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế, khuyến mại trả cho người tham gia bán hàng đa cấp từ đầu năm đến thời điểm chấm dứt hoạt động

Báo cáo tổng hợp về giá trị hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế đã trả trong kỳ; giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền trong kỳ; khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của người tham gia bán hàng đa cấp.

(Doanh nghiệp cung cấp kèm theo bản điện tử danh sách trả thưởng cho người tham gia bán hàng đa cấp bao gồm các chỉ tiêu: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; số hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp; mã số người tham gia; doanh thu bán hàng trong kỳ; giá trị hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế đã nhận trong kỳ; giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền trong kỳ; khấu trừ thuế thu nhập cá nhân)

5. Thực hiện nghĩa vụ ngân sách đối với nhà nước từ đầu năm đến thời điểm chấm dứt hoạt động

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (triệu đồng)
1	Thuế môn bài	
2	Thuế giá trị gia tăng (VAT)	
3	Thuế xuất khẩu	

4	Thuế nhập khẩu	
5	Thuế thu nhập cá nhân (của người lao động)	
6	Thuế thu nhập cá nhân kê khai và nộp thay người tham gia BHĐC	
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp	
8	Khác	
	Tổng cộng	

(Nêu rõ hiện nay còn nợ đọng khoản thuế nào hay không)

6. Chương trình khuyến mại từ đầu năm đến thời điểm chấm dứt hoạt động

STT	Tên chương trình khuyến mại	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Giá trị khuyến mại đăng ký/ thông báo	Giá trị khuyến mại thực hiện
1					
2					
3					

(Nêu rõ còn chương trình nào chưa hoàn thành hay không và phương án giải quyết).

7. Mua lại hàng hóa từ người tham gia bán hàng đa cấp từ đầu năm đến thời điểm chấm dứt hoạt động

Báo cáo tổng hợp số lượng người tham gia bán hàng đa cấp có yêu cầu trả lại hàng hóa, tổng giá trị hàng hóa trả lại, tổng giá trị khấu trừ, tổng giá trị đã chi trả và tổng giá trị còn lại.

STT	Họ tên	CMND/ CCCD/ HC	Mã số người tham gia	Điện thoại	Giá trị hàng hóa trả lại	Khấu trừ	Giá trị đã chi trả	Giá trị còn lại
1								
2								
3								
Tổng cộng								

(Doanh nghiệp cung cấp kèm theo bản điện tử danh sách người tham gia bán hàng đa cấp có yêu cầu trả lại hàng hóa: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu; mã số người tham gia; điện thoại liên hệ; giá trị hàng hóa trả lại; giá trị khấu trừ; giá trị đã chi trả; giá trị còn lại)

8. Việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động bán hàng đa cấp

STT	Tên cơ quan ban hành quyết định xử phạt	Số Quyết định	Hành vi vi phạm	Số tiền phạt	Thời điểm chấp hành quyết định xử phạt
Tổng cộng					

(Doanh nghiệp cung cấp kèm bảng thống kê kết quả chấp hành quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp của tất cả các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, kèm theo bản sao quyết định xử phạt và biên lai chấp hành quyết định xử phạt, đồng thời nêu rõ hiện nay còn quyết định xử phạt nào chưa chấp hành hay không).

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 13a

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

...., ngày.... tháng.... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP

Kính gửi:.....

1. Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa): .....

Địa chỉ của trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

2. Quyết định thành lập cơ sở chức năng đào tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ có giá trị pháp luật tương đương:.....

Đề nghị công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp trên cơ sở bộ hồ sơ kèm theo như sau:

3. Văn bản, tài liệu kèm theo[1]:.....

.....

.....

Người liên hệ: ..... Điện thoại: .....

Chúng tôi cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên và đóng dấu)

---

[1] Các văn bản, tài liệu kèm theo gồm:

1. Bản sao quyết định thành lập cơ sở có chức năng đào tạo được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;

2. Chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp;

3. Danh sách bao gồm ít nhất 02 giảng viên có trình độ từ đại học trở lên.

Mẫu số 14a

CƠ SỞ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
———	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../....	*...., ngày ..... tháng .... năm .....*

BÁO CÁO
Tổng kết hoạt động đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp
Kỳ báo cáo: năm.....

Kính gửi:.....

.....[1] . kính gửi báo cáo tổng kết hoạt động đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp kỳ báo cáo năm[2] ....., như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

3. Thông tin liên hệ: .....

4. Số Quyết định công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp: .....

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP

1. Kết quả đào tạo trong kỳ báo cáo

(*Tổng hợp về số lượng khóa đào tạo đã triển khai trong kỳ báo cáo, số lượng cá nhân tham gia đào tạo, số lượng doanh nghiệp gửi đăng ký đào tạo kiến thức pháp luật về bán hang đa cấp*)

2. Kết quả kiểm tra và cấp chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp

(Tổng hợp về số lượng cá nhân tham gia kiểm tra và được cấp giấy chứng nhận pháp luật về bán hàng đa cấp, số lượng cá nhân không đạt kết quả trong đợt kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp)

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ CẤP CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO**
- Như trên;	*(Ký tên và đóng dấu)*
- .....;	
- Lưu:	

[1] Tên cơ sở đào tạo.

[2] Báo cáo gửi trước ngày 31 tháng 01 hàng năm đối với kỳ báo cáo năm trước đó.

Mẫu số 19

UBND……..	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ CÔNG THƯƠNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……../…….	*……, ngày ….. tháng …. năm ……*

BÁO CÁO
Công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp
Kỳ báo cáo: năm…….

Kính gửi:……

Sở Công Thương …… . tổng hợp thông tin báo cáo định kỳ về công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp năm …….. trên địa bàn…….. , như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP BÁN HÀNG ĐA CẤP TRÊN ĐỊA BÀN

(*Tổng hợp số lượng doanh nghiệp bán hàng đa cấp đang hoạt động tại địa phương, kết quả hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp của doanh nghiệp theo biểu mẫu tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo*).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật kinh doanh theo phương thức đa cấp tại địa phương

2. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương

(Tổng hợp số lượng hội nghị, hội thảo, đào tạo của doanh nghiệp bán hàng đa cấp theo biểu mẫu tại Phụ lục III kèm theo).

3. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp tại địa phương.

(*Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo biểu mẫu tại Phụ lục IV kèm theo*)

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:	**GIÁM ĐỐC**
- Như trên;	*(Ký tên và đóng dấu)*
- ……..;	
- Lưu: ……	

Phụ lục I
DANH SÁCH DOANH NGHIỆP BÁN HÀNG ĐA CẤP ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG KỲ BÁO CÁO

STT	Tên doanh nghiệp	Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương (nếu có)	Người liên hệ tại địa phương	Thời gian bắt đầu hoạt động tại địa phương

Phụ lục II
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG KỲ BÁO CÁO

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu bán hàng đa cấp trên địa bàn trong năm báo cáo (triệu đồng)	Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp tại địa phương	Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp phát sinh mới tại địa phương	Số lượng người tham gia bán hàng đa cấp chấm dứt hợp đồng tại địa phương	Số lượng đào tạo cơ bản	Hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế khác trả cho người tham gia bán hàng đa cấp (triệu đồng)			Mua lại hàng hóa từ người tham gia BHĐC (triệu đồng)
							Tổng hoa hồng, tiền thưởng, lợi ích kinh tế đã nhận trong kỳ báo cáo	Giá trị khuyến mại quy đổi thành tiền trong kỳ báo cáo	Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân	
Tổng										

Phụ lục III
SỐ LƯỢNG HỘI NGHỊ, HỘI THẢO, ĐÀO TẠO TRONG KỲ BÁO CÁO

TT	Tên doanh nghiệp	Xác nhận thông báo của Sở Công Thương		Ghi chú
		Số lượng hội nghị, hội thảo, đào tạo tổ chức 01 lần	Số lượng hội nghị, hội thảo, đào tạo tổ chức thường xuyên	
Tổng				

Phụ lục IV
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG ĐA CẤP TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG KỲ BÁO CÁO

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Số quyết định xử phạt	Ngày ban hành quyết định xử phạt	Cơ quan xử phạt	Hành vi vi phạm	Số tiền phạt (triệu đồng)	Biện pháp xử lý khác
Tổng								

Mẫu số 20a

TÊN DOANH NGHIỆP

Số: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
KIỂM TRA, XÁC NHẬN KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP

Kính gửi:.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số: ... Cấp ngày: .../.../...

Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương: .....

Đăng ký kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp cho các cá nhân theo danh sách kèm theo.

Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ KIỂM TRA, XÁC NHẬN KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... của Công ty ...)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu			Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp		
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Số	Ngày cấp	Đơn vị cấp
1									
2									
...									

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 20b

TÊN DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:	*....., ngày ..... tháng ... năm .....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
KIỂM TRA, XÁC NHẬN KIẾN THỨC
CHO ĐẦU MỐI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Kính gửi: Cơ quan tổ chức kỳ kiểm tra xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương.

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Người đại diện theo pháp luật:.....

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp số: ... Cấp ngày: .../.../...

Địa điểm hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương: .....

Đăng ký kiểm tra xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương cho các cá nhân theo danh sách kèm theo.

Doanh nghiệp xin chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ KIỂM TRA, XÁC NHẬN KIẾN THỨC CHO ĐẦU MỐI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Đơn đề nghị số ... ngày ... của Công ty ...)

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu			Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp		
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Số	Ngày cấp	Đơn vị cấp
1									
2									
...									

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 21a

CƠ QUAN CẤP XÁC NHẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số:	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh
3 x 4
Đóng dấu
giáp lai

XÁC NHẬN
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP

Họ và tên: .....

Ngày sinh: .....

Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu số: .....

Cấp ngày: ..... tại .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Công ty: .....

Đã đạt kết quả kiểm tra xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.

Thời hạn hiệu lực: 03 năm kể từ ngày ký.

....., ngày ... tháng ... năm .....
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 21b

CƠ QUAN CẤP XÁC NHẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ảnh
3 x 4
Đóng dấu
giáp lai

XÁC NHẬN
KIẾN THỨC CHO ĐẦU MỐI TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Họ và tên:.....

Ngày sinh:.....

Căn cước công dân/CMND/Hộ chiếu số: .....

Cấp ngày: ..... tại .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Công ty: .....

Đã đạt kết quả kiểm tra xác nhận kiến thức cho đầu mối tại địa phương.

Thời hạn hiệu lực: 03 năm kể từ ngày ký.

....., ngày ... tháng ... năm .....
(Ký tên, đóng dấu)